

II. KẾ TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Nội dung Nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế

Phân phối lợi nhuận là việc phân chia kết quả thu được sau một thời kỳ hoạt động của doanh nghiệp thành những phần khác nhau theo cơ chế tài chính. Tùy theo cơ chế tài chính từng thời kỳ và tùy theo tài chính từng thành phần kinh tế, lợi nhuận của doanh nghiệp được phân chia là khác nhau.

Theo chế độ tài chính, lợi nhuận của doanh nghiệp được phân phối, sử dụng như sau:

1. Bù đắp các khoản lỗ từ năm trước theo quy định của luật thuế TNDN.
2. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước
3. Bù đắp các khoản lỗ từ năm trước đã hết hạn bù lỗ theo quy định của luật thuế TNDN.
4. Trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định
5. Chia cổ tức, chia lãi cho các nhà đầu tư góp vốn....

Trong đó việc trích nộp cho Nhà nước, trích lập từng quỹ cụ thể của doanh nghiệp, chia cổ tức, chia lãi.... theo tỷ lệ là bao nhiêu tùy thuộc vào chế độ tài chính và quy định của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty quy định cho từng thời kỳ nhất định.

Theo nghị định 199/2004/NĐ-CP ngày 3-12-2004 của Chính phủ:

Điều 27 về phân phối lợi nhuận:

1. Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

- a) Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);
- b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;
- c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ thì không trích nữa;

d) Trích lập các quỹ đặc biệt từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ đã được nhà nước quy định đối với Công ty đặc thù mà pháp luật quy định phải trích lập;

đ) Số còn lại sau khi lập các quỹ quy định tại điểm a, b, c, d khoản này được phân phối theo tỷ lệ giữa vốn nhà nước đầu tư tại Công ty và vốn công ty tự huy động bình quân trong năm.

Vốn do Công ty tự huy động là số tiền Công ty huy động do phát hành trái phiếu, tín phiếu, vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trên cơ sở Công ty tự chịu trách nhiệm hoàn trả

cả gốc và lãi cho người cho vay theo cam kết, trừ các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ, Bộ Tài chính, các khoản vay được hỗ trợ lãi suất.

2. Phần lợi nhuận được chia theo vốn Nhà nước đầu tư được dùng để tái đầu tư bổ sung vốn Nhà nước tại Công ty Nhà nước, đại diện chủ sở hữu quyết định điều động về quỹ tập trung để đầu tư vào các Công ty khác. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập quỹ này.

3. Lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động được phân phối như sau:

a) Trích tối thiểu 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty

b) Trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty. Mức trích một năm không vượt quá 500 triệu đồng (đối với Công ty có Hội đồng quản trị), 200 triệu đồng (đối với Công ty không có Hội đồng quản trị) với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn Nhà nước tại Công ty phải bằng hoặc lớn hơn tỷ suất lợi nhuận kế hoạch;

c) Số lợi nhuận còn lại được phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Mức trích vào mỗi quỹ do Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty không có Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ban Chấp hành Công đoàn Công ty.

4. Đại diện chủ sở hữu quyết định tỷ lệ trích cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị (đối với Công ty có Hội đồng quản trị) hoặc Giám đốc (đối với Công ty không có Hội đồng quản trị).

5. Đối với những Công ty Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền được trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

6. Đối với Công ty đầu tư thành lập mới trong 2 năm liên kế từ khi có lãi nếu phân phối lợi nhuận như trên mà 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi không đạt 2 tháng lương thực tế thì Công ty được giảm phân trích quỹ đầu tư phát triển để đảm bảo đủ 2 tháng lương cho 2 quỹ này. Mức giảm tối đa bằng toàn bộ số trích quỹ đầu tư phát triển trong kỳ phân phối lợi nhuận năm đó.

7. Đối với Công ty Nhà nước được thiết kế và thực tế thường xuyên, ổn định cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch khi phân phối lợi nhuận như trên mà không đủ trích quỹ khen thưởng và phúc lợi theo mức 2 tháng lương (Theo tiền lương thực tế của Công ty - Thông tư 33-2005/TT-BTC ngày 29/4/2005), thực hiện như sau:

a) Trường hợp lãi ít Công ty được giảm trích quỹ đầu tư phát triển, giảm phân lợi nhuận được chia theo vốn Nhà nước để cho đủ 2 tháng lương cho 2 quỹ. Nếu giảm toàn bộ số tiền trên mà vẫn chưa đủ 2 tháng lương cho 2 quỹ thì sẽ được Nhà nước trợ cấp cho đủ.

b) Trường hợp không có lãi thì Nhà nước sẽ trợ cấp đủ để trích lập 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 2 tháng lương.

Điều 28. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

b) Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty Nhà nước;

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty Nhà nước;

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty Nhà nước có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Mức thưởng theo quy định tại điểm a, b, c khoản do Tổng giám đốc hoặc Giám đốc quyết định. Riêng điểm a cần có ý kiến của Công đoàn Công ty trước khi quyết định.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (đối với Công ty không có Hội đồng quản trị) quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty.

5. Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty. Mức thưởng do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty (đối với Công ty không có Hội đồng quản trị).

6. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

7. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Lợi nhuận của DN chỉ được xác định chính thức khi quyết toán năm được duyệt. Song để đảm bảo ổn định nguồn thu cho ngân sách và đảm bảo kịp thời việc chi tiêu các quỹ doanh nghiệp, lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ được tạm phân phối trong năm. Việc tạm phân phối trong năm dựa trên nguyên tắc, chỉ được phân phối bằng hoặc nhỏ hơn số lợi nhuận tạm xác định trong năm. Khi quyết toán năm được duyệt sẽ tiến hành phân phối chính thức cho các mục đích.

Như vậy việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo 2 bước:

Bước 1 - Tạm phân phối: Định kỳ tạm phân phối theo kế hoạch

Bước 2 - Phân phối chính thức: Khi báo cáo quyết toán năm được xác định và phê duyệt

2. Phương pháp kế toán phân phối lợi nhuận

2.1. Chứng từ ban đầu

Kế toán phân phối lợi nhuận chủ yếu sử dụng các chứng từ tự lập như :

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận
- Quyết định trích lập và sử dụng các quỹ doanh nghiệp
- Quyết toán năm. Thông báo nộp thuế của cơ quan thuế
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, "Báo Nợ" của Ngân hàng...

2.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán phân phối lợi nhuận sử dụng TK 421 "Lợi nhuận chưa phân phối". TK 421 dùng để phản ánh lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

Ngoài ra còn sử dụng một số TK 333, 414, 415, 416, 441, 411...

2.3. Trình tự hạch toán

- Cuối kỳ kế toán xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ của doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nếu lãi, kế toán kết chuyển:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4212)

Nếu lỗ, kế toán kết chuyển:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4212)

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

- Các đơn vị trực thuộc nộp lợi nhuận lên đơn vị chính theo quy định, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 136

Có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4212)

- Định kỳ xác định số cổ tức chia cho các cổ đông, lợi nhuận trả cho các nhà đầu tư góp vốn. Khi tạm chia kế toán ghi :

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4212)

Có TK 111, 112, 338

- Định kỳ tạm trích lập các quỹ doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế, kế toán ghi:

Nợ TK 421 - lợi nhuận chưa phân phối (4212)

Có TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Có TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính
Có TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Có TK 418 - Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Cuối năm kế toán, chuyển số lợi nhuận chưa phân phối năm nay thành số lợi nhuận chưa phân phối năm trước, và ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay (4212)
Có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước (4211)

Nếu số tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm nhỏ hơn số thực tế được phân phối theo quyết định toán, kế toán tiến hành phân phối chính thức như sau:

- Xác định số cổ tức chia thêm cho các cổ đông, lợi nhuận trả thêm cho các nhà đầu tư góp vốn. Khi phân phối bổ sung kế toán ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4211)
Có TK 111, 112, 338

- Nếu được trích lập thêm các quỹ doanh nghiệp ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4211)
Có TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển
Có TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính
Có TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Có TK 418 - Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, nguồn vốn ĐTXDCB từ phần lợi nhuận để lại cho DN ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4211)
Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh
Có TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

- Phân lợi nhuận được chia theo vốn Nhà nước đầu tư được dùng để tái đầu tư bổ sung vốn Nhà nước tại Công ty Nhà nước, kế toán ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4211)
Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

- Phân lợi nhuận được chia theo vốn Nhà nước đầu tư được đại diện chủ sở hữu quyết định điều động về quỹ tập trung để đầu tư vào các Công ty khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thành lập quỹ này, kế toán ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối (4211)
Có TK 111, 112

* Nếu số tạm phân phối sau thuế trong năm lớn hơn số thực tế được phân phối theo quyết định toán, kế toán tiến hành phân phối chính thức như sau:

- Các quỹ doanh nghiệp đã trích lập lớn hơn số được phân phối, kế toán ghi:

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển
Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính
Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Nợ TK 418 - Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Có TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối

- Nếu doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ. Khi xử lý số lỗ, kế toán ghi:
Dùng quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ, kế toán ghi:

Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính
Có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Cấp trên cấp bù lỗ, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 136
Có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Các nhà đầu tư góp vốn phải bù lỗ, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 411
Có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối